

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS-PT

Ngày: 04/01/2019

Về việc “ Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Thẩm phán: 1. Bà Vũ Thị Xuân Trang

2. Bà Đỗ Thị Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa: Ông Đỗ Đức Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí
Minh xét xử phúc thẩm công khai Vụ án dân sự thụ lý số 592/2018/TLPT-DS
ngày 20 ngày 11 tháng 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa
án nhân dân quận T bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6083/2018/QĐPT-DS ngày 11
tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mai T, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số 491/76 đường L, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân Thế V, sinh
năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số 117 đường B, Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Số 234C đường L, khu phố N, phường B, quận T, Thành phố Hồ
Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2018, ông Hoàng Xuân Thế V là người
đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 05/12/2016 bà Trương Thị Mai T có cho bà Hoàng Thị H vay số
tiền là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, việc vay mượn tiền hai bên có lập
giấy tay không có công chứng, chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, thời hạn
vay là 01 năm kể từ ngày 05/12/2016 lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/ tháng và

số tiền lãi được thanh toán khi hoàn lại số tiền vốn. Thực hiện hợp đồng bà T đã giao đủ số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng cho bà H. Tuy nhiên, kể từ khi vay mượn tiền cho đến nay, bà H chưa thực hiện việc đóng lãi, do là có mối quan hệ làm ăn từ trước nên bà T đồng ý cho bà H trả tiền lãi cùng một lúc khi thanh toán tiền gốc theo như giấy vay nợ mà hai bên đã ký. Thực tế, khi đến ngày thanh toán tiền gốc và lãi thì bà H cố tình tránh né, kéo dài không thực hiện việc trả nợ. Do đó, bà T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Mai T số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, cộng với lãi suất quá hạn do Ngân hàng Nhà nước quy định (tạm tính kể từ ngày 05/12/2016 cho đến ngày 05/6/2018 là 18 tháng) là 144.000.000 (một trăm bốn mươi bốn) triệu đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 944.000.000 (chín trăm bốn mươi bốn) triệu đồng. Số tiền trên bà T yêu cầu bà H thanh toán một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật. Về số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/6/2018 cho đến khi Tòa án xét xử bà T tự nguyện không yêu cầu.

Bà T xác định số tiền trên bà T cho cá nhân bà H vay không liên quan gì đến ai, nên bà T chỉ yêu cầu cá nhân bà H có trách nhiệm trả và khi vay tiền, bà H không có thể chấp tài sản gì. Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Hoàng Thị H có ông Lý Văn Sinh là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ông Sinh xác định giữa bà H và bà T có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 05/12/2016 đúng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Lúc đầu, hai bên thỏa thuận bà H sẽ vay số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Tuy nhiên, sau đó hai bên có thống nhất số tiền vay là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng nên có sửa lại số tiền từ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, thành 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng trên giấy vay nợ. Do số tiền tăng lên nên bà T không đủ tiền để giao cho bà H và bà T có hẹn bà H sẽ giao tiền vào ngày khác. Thực tế, từ sau khi viết giấy biên nhận nợ cho đến nay bà T chưa có giao tiền cho bà H. Nguyên nhân bà H viết giấy vay nợ như trên là do bà H có môi giới cho bà T đầu tư tài chính vào một công ty khác. Tuy nhiên, khoảng một tuần sau Công ty tài chính bị giải thể nên bà T chưa có giao tiền cho bà H. Việc có tờ giấy vay nợ là chỉ để đảm bảo cho bà T không gặp rủi ro trong việc đầu tư nên trong nội dung giấy vay nợ có ghi “nếu có rủi ro bên bà H sẽ hoàn vốn, lãi suất 2% 1 tháng”. Nay ông xác định nợ giữa bà T và bà H là không có. Giấy vay nợ ngày 05/12/2016 bà H đã ghi chỉ nhằm đảm bảo khoản tiền khi bà T đầu tư tài chính. Thực tế, thì bà T chưa có đầu tư và cũng chưa đưa tiền cho bà H. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài giấy vay mượn nợ bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh bị đơn chưa có nhận tiền của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 504/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Mai T số tiền 932.000.000 (chín trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bà Trương Thị Mai T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Hoàng Thị H chưa thi hành, thì hàng tháng bà H còn phải chịu thêm tiền lãi, theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại Khoản 2 Điều 305 bộ luật dân sự năm 2005.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị Mai T về việc yêu cầu bà Hoàng Thị H phải trả thêm tiền lãi là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, bà Hoàng Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn bà Trương Thị Mai T có người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Xuân Thế V đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm.

- Về nội dung: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy rằng giữa bà H và bà T có ký hợp đồng vay vào ngày 05/12/2016. Bà H cho rằng bà T chưa có giao tiền cho bà, việc viết giấy nợ trên là nhằm tránh cho bà T khi đầu tư tài chính không gặp rủi ro và nếu có rủi ro thì bà H sẽ hoàn vốn, lãi suất 2%/tháng. Xét thấy, bà H cho rằng không có nhận tiền của bà T là không có cơ sở bởi lẽ, nội dung giấy vay nợ do bà H viết ghi rõ tôi có vay của bà Trương Thị Mai T 800.000.000 đồng... Ngoài giấy vay nợ này thì bà H cũng không cung cấp thêm được chứng cứ nào khác để chứng minh việc mình chưa có nhận tiền của nguyên đơn.

Xét bản án sơ thẩm tuyên là có căn cứ, đúng pháp luật. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến tranh luận và ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H cho rằng việc bà viết giấy vay nợ nhằm để đảm bảo cho bà T không gặp rủi ro trong việc đầu tư tài chính vào một Công ty khác, chứ thực tế bà không có vay tiền của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào Giấy vay nợ ngày 05/12/2016 được ký giữa bà Trương Thị Mai T với bà Hoàng Thị H thể hiện bà H có vay của bà T số tiền là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng, trong thời hạn 1 năm. Nội dung đã thỏa thuận: Nếu có rủi ro bên bà H sẽ hoàn vốn, lãi suất 2% 1 tháng và cam kết sẽ thanh toán số nợ theo đúng nội dung đã thỏa thuận nêu trên. Nếu sai, bà H xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà H cho rằng bà viết giấy vay nợ trên để đảm bảo cho việc bà T đầu tư tài chính không gặp rủi ro, bà hoàn toàn không nhận số tiền như trong giấy vay nợ.

Xét việc bà H cho rằng không có nhận số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng của bà T là không có cơ sở bởi lẽ, nội dung trong giấy vay nợ bà H có viết “Tôi có vay của bà Trương Thị Mai T sinh 1961; CMND số 07916xxxxxxx số tiền là 800.000.000 đồng...” và đã ký nhận đầy đủ. Ngoài giấy vay mượn nợ nêu trên thì bà H không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 471; Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mai T.

Buộc bà Hoàng Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Trương Thị Mai T số tiền 932.000.000 (chín trăm ba mươi hai triệu) đồng.

Kể từ khi bà Trương Thị Mai T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Hoàng Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị Mai T về việc yêu cầu bà Hoàng Thị H phải trả thêm tiền lãi là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

2/ **Án phí dân sự sơ thẩm:** Bà Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 39.960.000 đ (ba mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ngàn đồng).

Bà Trương Thị Mai T phải chịu án phí của phần không được chấp nhận yêu cầu là 600.000 (sáu trăm ngàn) đồng, nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 20.160.000 (hai mươi triệu một trăm sáu mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0022104 ngày 02/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trương Thị Mai T được nhận lại số tiền chênh lệch là 19.560.000 (mười chín triệu năm trăm sáu mươi ngàn) đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2018/0022840 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận :

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ (15)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thảo